

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/DS-ST

Ngày: 17-9-2018

V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tú

2. Bà Nguyễn Thị Kim Loan

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hồng – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2018/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà R, Số 9, đường B, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hiền T – Chức vụ: Trưởng Phòng Thu Hồi Nợ Pháp lý – Trung tâm Thu Hồi Nợ - Khối Quản Trị Rủi Ro (*Theo văn bản ủy quyền số 80/UQ-QTRR.16 ngày 16 tháng 8 năm 2016*), vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Hiền T: Anh Huỳnh Hoàng N, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số 33/6 đường T, phường 3, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

- *Bị đơn*: Bùi Thanh N, sinh năm: 1991

Địa chỉ: Số 28/1, ấp H 1, xã T, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 4 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V (gọi tắt là Công ty) và người đại diện Huỳnh Hoàng N trình bày:

Ngày 06/4/2016, anh Bùi Thanh N có ký hợp đồng tín dụng số 20160411-500000-2719 với Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V vay số tiền 36.925.000 đồng, lãi suất 3,75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận, anh N có trách nhiệm thanh toán số tiền 67.880.000 đồng gồm cả gốc và lãi, trả chậm trong 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.886.000 đồng, trả vào ngày 11 hàng tháng, tháng cuối cùng trả 1.870.000 đồng. Bắt đầu từ ngày 11/5/2016.

Thực hiện hợp đồng, anh N đã nhận đủ tiền và thanh toán cho Công ty 08 lần với số tiền 15.088.000 đồng. Kể từ ngày 17/12/2016 thì không có khả năng trả nợ cho Công ty đến nay.

Công ty khởi kiện yêu cầu anh N trả các khoản nợ sau:

- Nợ gốc: 32.346.741 đồng.

- Lãi: 20.445.259 đồng.

Tổng cộng: 52.792.000 đồng và lãi chậm thanh toán phát sinh đến ngày xét xử. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn Bùi Thanh N mặc dù đã được Tòa án tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 42/TB-TLVA ngày 29/5/2018; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 603/TB-TA ngày 01/6/2018; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 831/TB-TA ngày 19/7/2018 nhưng anh Nam không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Anh Huỳnh Hoàng N đại diện cho Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về phần tiền lãi, yêu cầu anh Bùi Thanh N trả cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V các khoản: vốn gốc 32.346.741 đồng, số tiền lãi đến hạn 18.672.074 đồng và lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

- Anh Bùi Thanh N vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 28/8/2018, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất, anh Bùi Thanh N đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập nhưng vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh N đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Như vậy, anh N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Giấy triệu tập hai lần nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ngày 06/4/2016, anh Bùi Thanh N có ký hợp đồng tín dụng số 20160411-500000-2719 với Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V vay số tiền 36.925.000 đồng, lãi suất 3,75%/tháng để tiêu dùng cá nhân.

Theo thỏa thuận, anh N có trách nhiệm thanh toán số tiền 67.880.000 đồng gồm cả gốc và lãi, trả chậm trong 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.886.000 đồng, trả vào ngày 11 hàng tháng, tháng cuối cùng trả 1.870.000 đồng. Bắt đầu từ ngày 11/5/2016.

Thực hiện hợp đồng, anh N đã nhận đủ tiền và thanh toán cho Công ty 08 lần với số tiền 15.088.000 đồng. Kể từ ngày 17/12/2016 thì không có khả năng trả nợ cho Công ty đến nay.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Từ ngày 17/12/2016 tức lần trả thứ 09 đến nay anh N không trả đúng hạn theo thỏa thuận với Công ty, tức đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nhiều kỳ nên buộc anh N phải trả toàn bộ nợ gốc còn lại cho Công ty là 32.346.741 đồng.

[3] Đối với số tiền lãi, theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mức lãi suất 3,75%/tháng tháng. Theo quy định của khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng thì Ngân hàng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất theo quy định của pháp luật, anh N đã chấp nhận thỏa thuận và ký tên vào hợp đồng tín dụng nên phải chịu lãi suất theo mức 3,75 %/tháng. Trong thời gian từ ngày 11/5/2016 đến ngày 11/9/2018 anh N phải trả số tiền lãi là 29.181.815 đồng, anh N đã trả được 10.509.741 đồng, còn nợ lại 18.672.074 đồng. Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì: “Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả”. Do đó, buộc anh N phải trả số tiền lãi đến hạn cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V là 18.672.074 đồng.

Ngoài khoản lãi nêu trên, Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: Anh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật đối với số tiền buộc phải trả cho phía Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V, án phí: $51.018.815 \text{ đồng} \times 5\% = 2.550.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V.

Buộc anh Bùi Thanh N trả cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V số tiền vốn gốc 32.346.741 đồng (Ba mươi hai triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi một đồng) và tiền lãi 18.672.074 đồng (Mười tám triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn không trăm bảy mươi bốn đồng).

Kể từ ngày Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Bùi Thanh N chưa chịu trả các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Buộc anh Bùi Thanh N phải chịu 2.550.000 đồng (Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V số tiền tạm ứng án phí 1.320.000 đồng (Một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0009137 ngày 28/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01
- VKSND TX.Bình Minh: 01
- Chi cục THADS TX.Bình Minh: 01
- Đường sự: 02
- Lưu: 04

Trần Quốc Huy